

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
VIETNAM NATIONAL CHEMICAL GROUP
**DRYCELL AND STORAGE BATTERY
JOINT STOCK COMPANY**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 35 /PA-CBTT
No.: 35 /PA-CBTT

Tp. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2025
Ho Chi Minh City, 20 January, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi : **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
To: **HOCHIMINH STOCK EXCHANGE**
STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM/**
DRYCELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán /*Stock code*: PAC

- Địa chỉ/*Address*: 321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh,
Việt Nam./*321 Tran Hung Dao, Co Giang Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 028.39203062 Fax: 028.39203060

- E-mail: duyhung@pinaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính quý 4 năm 2024./
Dry Cell and Storage Battery Joint Stock Company announces Financial Statements for the fourth quarter of 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày
20/01/2025 tại đường dẫn www.pinaco.com.vn/This information was published on the
company's website on 20/01/2025 (date), as in the link www.pinaco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify*
that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the
law.

Tài liệu đính

kèm/Attached documents:

Báo cáo tài chính Q4/2024

Financial Statements for the
fourth quarter of 2024.

Đại diện tổ chức

Organization representative



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN NĂM

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 18) ngày 12 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng
Ông Lê Văn Năm
Ông Nguyễn Văn Chung
Ông Nguyễn Quốc Việt
Ông Shigeru Ezure

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Duy Linh
Bà Phan Thị Hoàng Giang
Bà Vũ Thị Mai Nhung

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Năm
Ông Nguyễn Điền Phước Chân
Ông Nguyễn Duy Hưng
Ông Nguyễn Hoàng Thành

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật-Sản xuất
Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.832.261.785.850	1.726.186.325.353
Tiền	110	4	170.614.274.178	161.948.859.873
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		585.000.000.000	505.870.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	585.000.000.000	505.870.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.744.362.119	298.207.985.116
Phải thu của khách hàng	131	6	154.939.964.810	226.235.961.600
Trả trước cho người bán	132	7	25.979.920.439	37.367.915.388
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	11.720.885.063	35.793.437.090
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(896.408.193)	(1.189.519.776)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	190.814
Hàng tồn kho	140	10	696.245.897.537	643.252.164.220
Hàng tồn kho	141		701.548.787.054	646.962.409.150
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.302.889.517)	(3.710.244.930)
Tài sản ngắn hạn khác	150		188.657.252.016	116.907.316.144
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.646.799.672	4.820.706.142
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	183.010.452.344	112.086.610.002

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		702.519.485.529	707.319.377.892
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.840.446.253	5.332.346.253
Phải thu dài hạn khác	216		5.840.446.253	5.332.346.253
Tài sản cố định	220		394.061.085.307	332.029.868.951
Tài sản cố định hữu hình	221	11	353.610.702.820	274.686.605.679
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.395.325.533.792</i>	<i>1.240.959.152.322</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(1.041.714.830.972)</i>	<i>(966.272.546.643)</i>
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	31.931.408.443	49.628.150.449
<i>Nguyên giá</i>	225		<i>47.125.644.645</i>	<i>66.298.132.171</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		<i>(15.194.236.202)</i>	<i>(16.669.981.722)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	13	8.518.974.044	7.715.112.823
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>40.995.029.434</i>	<i>39.176.827.529</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(32.476.055.390)</i>	<i>(31.461.714.706)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		20.570.467.953	87.038.607.873
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	20.570.467.953	87.038.607.873
Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		249.547.486.016	250.418.554.815
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	210.856.810.468	209.297.352.549
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	3.585.532.416	3.430.945.794
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	35.105.143.132	37.690.256.472
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.534.781.271.379	2.433.505.703.245

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.565.895.833.608	1.489.037.435.221
Nợ ngắn hạn	310		1.550.850.787.215	1.467.423.205.920
Phải trả người bán	311	18	117.175.972.862	212.941.446.259
Người mua trả tiền trước	312		37.088.697.615	12.145.154.517
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	7.810.222.761	8.215.049.025
Phải trả người lao động	314		80.487.268.855	94.504.823.120
Chi phí phải trả	315	20	34.468.671.846	25.941.408.583
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	28.105.033.710	4.453.639.129
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.206.974.054.267	1.071.746.855.052
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	11.090.279.515	10.128.016.370
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	27.650.585.784	27.346.813.865
Nợ dài hạn	330		15.045.046.393	21.614.229.301
Phải trả dài hạn khác	337		1.909.600.000	1.909.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	13.135.446.393	19.704.629.301
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		968.885.437.771	944.468.268.024
Vốn chủ sở hữu	410	25	968.885.437.771	944.468.268.024
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		389.208.670.171	355.111.097.634
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.374.998.376	123.055.401.166
- Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.983.882.119	7.853.056.978
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		103.391.116.257	115.202.344.188
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.534.781.271.379	2.433.505.703.245

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo
 Nhân viên kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
 Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

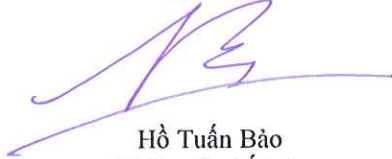
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	TM	Quý 4/2024 VND	Quý 4/2023 VND	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	930.321.630.365	984.764.736.672	3.849.053.470.231	3.593.413.239.932
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	168.036.287.212	121.909.916.204	643.644.957.630	408.466.115.750
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	29	762.285.343.153	862.854.820.468	3.205.408.512.601	3.184.947.124.182
Giá vốn hàng bán	11	30	663.395.833.710	747.372.843.157	2.789.371.367.492	2.751.194.753.012
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		98.889.509.443	115.481.977.311	416.037.145.109	433.752.371.170
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	7.908.207.384	16.186.776.317	46.165.881.107	58.480.712.131
Chi phí tài chính	22	32	17.859.727.302	16.683.096.775	60.191.383.332	75.699.974.756
<i>Trong đó:</i> <i>Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.160.068.540</i>	<i>12.861.788.909</i>	<i>41.936.668.219</i>	<i>59.363.089.266</i>
Chi phí bán hàng	25	33	31.872.920.181	43.597.469.902	173.368.170.905	202.036.520.285
Chi phí quản lý DN	26	34	16.446.355.779	20.802.127.511	64.911.356.999	60.686.917.845
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		40.618.713.565	50.586.059.440	163.732.114.980	153.809.670.415
Thu nhập khác	31		4.364.151	165.558.499	616.162.107	537.950.487
Chi phí khác	32		13.411.824	11.018.729	35.921.050	22.726.668
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(9.047.673)	154.539.770	580.241.057	515.223.819
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.609.665.892	50.740.599.210	164.312.356.037	154.324.894.234
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	9.065.949.214	15.813.891.101	37.839.972.902	39.286.471.023
Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	(725.451.737)	(16.487.023)	(154.586.622)	(163.920.977)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		32.269.168.415	34.943.195.132	126.626.969.757	115.202.344.188
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	625	677	2.452	2.231

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập:


Hồ Tuấn Bảo
Nhân viên kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế toán - Tài chính



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		164.312.356.037	154.324.894.234
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		90.011.808.634	85.660.380.369
Các khoản dự phòng	03		2.261.796.149	21.527.950.667
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.149.466.099	(1.594.422.072)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(35.253.171.613)	(43.599.412.080)
Chi phí lãi vay	06		41.936.668.219	59.363.089.266
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		266.418.923.525	275.682.480.384
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		35.277.533.284	(142.977.631.151)
Biến động hàng tồn kho	10		(52.001.264.564)	111.014.020.216
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(51.178.359.496)	105.389.734.871
Biến động chi phí trả trước	12		7.157.807.858	2.158.383.882
Tiền lãi vay đã trả	14		(41.365.850.030)	(60.112.126.265)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(39.544.399.989)	(39.886.397.156)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.962.614.091)	(19.543.885.268)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		115.801.776.497	231.724.579.513
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(95.118.244.377)	(80.293.360.745)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		260.112.293	71.424.074
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	23		(1.080.870.000.000)	(505.870.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	24		1.001.740.000.000	542.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		57.663.820.542	39.987.215.789
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(116.324.311.542)	(4.104.720.882)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.721.953.064.730	2.287.850.478.395
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.596.946.404.626)	(2.378.884.792.553)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(24.369.198.719)	(10.920.855.498)
Tiền trả cổ tức	36		(92.943.414.000)	(79.001.901.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		7.694.047.385	(180.957.071.556)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		7.171.512.340	46.662.787.075
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		161.948.859.873	113.688.426.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		1.493.901.965	1.597.645.933
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	170.614.274.178	161.948.859.873

Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2024 VND	2023 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	21.563.816.017	10.103.488.235

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo
 Nhân viên kế toán

Người duyệt:





Nguyễn Văn Diệp
 Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			31/12/2024	1/1/2024
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có trụ sở đăng ký tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 2 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1.255 nhân viên (1/1/2024: 1.244 nhân viên).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và công ty tài chính. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(iii) Tài sản khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được tính cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 45 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(s) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	8.551.848.142	4.262.239.528
Tiền gửi ngân hàng	136.879.287.048	157.686.620.345
Tiền đang chuyển	25.183.138.988	-
	<hr/>	<hr/>
	170.614.274.178	161.948.859.873

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các công ty tài chính có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại dưới một năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 4,3% đến 6,1% (1/1/2024: 6,2% đến 9,5%).

Công ty Cổ phần PinẮ quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Mr. Chea Se	18.667.560.785	20.346.905.790
Romisa Trading Enterprises	14.480.791.661	8.192.755.379
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	12.005.768.664	13.616.133.177
Công ty TNHH Ấc quy Vĩnh Phúc	8.288.593.920	7.849.128.960
Công ty TNHH TM DV Bình Hiệp Phát	1.411.981.043	7.035.484.476
Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu Toàn phát	105.339.227	7.181.743.195
Công ty TNHH MTV Hồng Đức Battery	-	5.186.205.476
Các khách hàng khác	99.979.929.510	156.827.605.147
	<hr/>	<hr/>
	154.939.964.810	226.235.961.600
	<hr/>	<hr/>

7. Trả trước cho người bán

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên	7.065.315.793	6.110.462.121
Wirtz Manufacturing Co., INC	2.885.390.689	2.458.865.577
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Hoàng Gia	2.805.228.160	1.390.752.000
Công ty Cổ phần Tân phú Việt Nam	1.483.080.000	495.720.000
Jiangsu Jinfan Power Technology	1.280.370.000	-
Better Technology Group Limited	1.066.684.250	5.942.565.156
Sovema Group S.P.A	1.002.035.600	602.369.952
Các nhà cung cấp khác	8.391.815.947	20.367.180.582
	<hr/>	<hr/>
	25.979.920.439	37.367.915.388
	<hr/>	<hr/>

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	8.402.246.577	30.812.895.506
Trả trước cho thuê tài chính	2.658.679.353	3.661.331.251
Tạm ứng cho nhân viên	658.959.133	1.285.342.792
Phải thu khác	1.000.000	33.867.541
	<hr/>	<hr/>
	11.720.885.063	35.793.437.090
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	620.187.361	(186.056.208)	434.131.153
Công ty Cổ phần Tái sinh Việt Nam	Trên 3 năm	312.681.520	(312.681.520)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	441.795.437	(155.799.477)	285.995.960
		1.374.664.318	(654.537.205)	720.127.113
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Công ty TNHH Tín An	Trên 3 năm	12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co., Ltd	Trên 3 năm	95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd	Trên 3 năm	134.209.308	(134.209.308)	-
		241.870.988	(241.870.988)	-
		1.616.535.306	(896.408.193)	720.127.113

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.848.485.446	(554.545.634)	1.293.939.812
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	(114.952.000)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	409.345.773	(278.151.154)	131.194.619
		2.372.783.219	(947.648.788)	1.425.134.431
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Công ty TNHH Tín An	Trên 3 năm	12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co., Ltd	Trên 3 năm	95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd	Trên 3 năm	134.209.308	(134.209.308)	-
		241.870.988	(241.870.988)	-
		2.614.654.207	(1.189.519.776)	1.425.134.431

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	1.189.519.776	1.385.348.860
Số trích lập/ hoàn nhập trong năm	(293.111.583)	(195.829.084)
Số dư cuối năm	896.408.193	1.189.519.776

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	61.410.576.953		143.010.086.763	-
Nguyên vật liệu	178.362.357.212		157.937.335.874	-
Công cụ và dụng cụ	8.303.209.037		8.504.070.966	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	197.443.415.157		148.916.680.298	-
Thành phẩm	256.026.817.964	(3.700.545.714)	188.591.824.518	(3.710.244.930)
Hàng hóa	2.410.731		2.410.731	-
Hàng tồn kho	701.548.787.054	(3.700.545.714)	646.962.409.150	(3.710.244.930)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	35.105.143.132	(1.602.343.803)	37.690.256.472	-

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	3.710.244.930	2.438.073.116
Số trích lập/hoàn nhập trong năm	1.592.644.587	1.272.171.814
Số dư cuối năm	5.302.889.517	3.710.244.930

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	211.864.270.602	970.055.344.396	40.081.269.522	14.110.948.192	4.847.319.610	1.240.959.152.322
Tăng trong năm	-	1.964.017.466	156.000.000	184.500.000	-	2.304.517.466
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở đang (Thuyết minh 14)	166.933.697	147.520.482.099	-	227.311.500	-	147.914.727.296
Chuyển từ TSCĐ hữu hình thuê tài chính (Thuyết minh 12)	-	19.172.487.526	-	-	-	19.172.487.526
Thanh lý trong năm	-	(14.816.394.181)	(49.600.000)	(159.356.637)	-	(15.025.350.818)
Số dư cuối năm	212.031.204.299	1.123.895.937.306	40.187.669.522	14.363.403.055	4.847.319.610	1.395.325.533.792
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	143.128.340.368	777.069.386.026	30.453.475.173	12.431.710.260	3.189.634.816	966.272.546.643
Khấu hao trong năm	10.897.164.062	67.377.714.663	2.470.418.969	666.849.073	389.675.723	81.801.822.490
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính (Thuyết minh 12)	-	8.665.812.657	-	-	-	8.665.812.657
Thanh lý trong năm	-	(14.816.394.181)	(49.600.000)	(159.356.637)	-	(15.025.350.818)
Số dư cuối năm	154.025.504.430	838.296.519.165	32.874.294.142	12.939.202.696	3.579.310.539	1.041.714.830.972

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	68.735.930.234	192.985.958.370	9.627.794.349	1.679.237.932	1.657.684.794	274.686.605.679
Số dư cuối năm	58.005.699.869	285.599.418.141	7.313.375.380	1.424.200.359	1.268.009.071	353.610.702.820

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 606.577 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 570.969 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 16.336 triệu VND (1/1/2024: 21.119 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	66.298.132.171	-	66.298.132.171
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(19.172.487.526)	-	(19.172.487.526)
Số dư cuối năm	47.125.644.645	-	47.125.644.645
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	16.669.981.722	-	16.669.981.722
Khấu hao trong năm	7.195.645.460	-	7.195.645.460
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(8.671.390.980)	-	(8.671.390.980)
Số dư cuối năm	15.194.236.202	-	15.194.236.202
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	49.628.150.449	-	49.628.150.449
Số dư cuối năm	31.931.408.443	-	31.931.408.443

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	23.114.143.021	10.843.905.852	5.218.778.656	39.176.827.529
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	1.818.201.905	-	1.818.201.905
Số dư cuối năm	23.114.143.021	12.662.107.757	5.218.778.656	40.995.029.434
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	15.979.774.662	10.263.161.388	5.218.778.656	31.461.714.706
Khấu hao trong năm	379.598.964	634.741.720	-	1.014.340.684
Số dư cuối năm	16.359.373.626	10.897.903.108	5.218.778.656	32.476.055.390
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	7.134.368.359	580.744.464	-	7.715.112.823
Số dư cuối năm	6.754.769.395	1.764.204.649	-	8.518.974.044

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 15.235 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 15.235 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	87.038.607.873	85.392.592.894
Tăng trong năm	83.264.789.281	32.562.263.756
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(147.914.727.296)	(30.824.248.777)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	(1.818.201.905)	(92.000.000)
Số dư cuối năm	20.570.467.953	87.038.607.873

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Máy móc và thiết bị	17.396.943.366	85.457.942.043
Các công trình khác	3.173.524.587	1.580.665.830
	20.570.467.953	87.038.607.873

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2024		1/1/2024	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,0%	32.500.000.000	26,0%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác	Tổng VND
Số dư đầu năm	190.514.205.344	3.039.482.176	15.743.665.029	209.297.352.549
Tăng trong năm	-	3.563.439.170	15.933.182.469	19.496.621.639
Phân bổ trong năm	(5.192.385.617)	(2.634.421.886)	(10.110.356.217)	(17.937.163.720)
Số dư cuối năm	185.321.819.727	3.968.499.460	21.566.491.281	210.856.810.468

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi phí đất trả trước với giá trị ghi sổ là 15.168 triệu VND (1/1/2024: 15.712 triệu VND) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự phòng bảo hành	20%	2.218.055.903	2.025.603.274
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	1.060.577.903	742.048.986
Chi phí phải trả	20%	306.898.610	663.293.534
		<hr/>	<hr/>
		3.585.532.416	3.430.945.794
		<hr/>	<hr/>

18. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Tân phú Việt Nam	16.105.542.087	13.740.209.748
Trafigura Pte Ltd	11.062.020.556	45.156.854.965
Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông	11.030.008.412	97.464.900
Công ty TNHH Srithai (Việt Nam)	9.315.852.719	7.193.876.442
Baoding Golden Sunlight Power	6.585.386.985	6.293.888.700
Công ty TNHH Thye Míng Việt Nam	4.679.758.611	3.263.659.014
Công ty TNHH Kim Vũ Minh	3.448.095.839	2.828.413.623
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	3.181.320.445	1.741.229.094
Thai United Industry Co.,Ltd.	3.132.332.606	14.487.055.843
Các nhà cung cấp khác	48.635.654.602	118.138.793.930
	<hr/>	<hr/>
	117.175.972.862	212.941.446.259
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	956.027.880	937.293.120
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	403.382.100	590.388.700
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	23.457.600	13.910.400
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	38.500.000	38.500.000

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cân trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	643.163.214.700	(495.267.856.450)	(147.148.694.781)	746.663.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.526.976.017	37.839.972.902	-	(39.544.399.989)	8.822.548.930
Thuế thu nhập cá nhân	(807.285.757)	6.670.847.095	-	(5.240.877.006)	622.684.332
Phí thuế đất và các loại thuế khác	(1.504.641.235)	14.017.003.097	-	(14.894.035.832)	(2.381.673.970)
	8.215.049.025	701.691.037.794	(495.267.856.450)	(206.828.007.608)	7.810.222.761

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cân trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	112.086.610.002	566.191.698.792	(495.267.856.450)	183.010.452.344

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Chi phí phải trả

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí vận chuyển/ hàng đi đường	16.416.680.427	2.318.519.338
Chi phí bảo hiểm, BHLĐ	11.968.780.640	9.447.925.240
Chi phí bán hàng	3.116.750.326	10.397.805.834
Chi phí lãi vay	1.329.808.021	1.394.291.954
Các khoản chi phí phải trả khác	1.636.652.432	2.382.866.217
	<hr/>	<hr/>
	34.468.671.846	25.941.408.583
	<hr/>	<hr/>

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức	23.268.649.224	24.196.783
Tạm ứng dự án	3.000.000.000	3.000.000.000
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	1.299.667.093	369.286.380
Các khoản phải trả khác	503.921.669	1.060.155.966
	<hr/>	<hr/>
	28.072.237.986	4.453.639.129
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2024		Biến động trong năm		31/12/2024		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba (i)	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng (ii)	1.014.877.656.333	1.014.877.656.333	2.680.669.783.754	2.531.293.924.931	3.651.356.203	1.167.904.871.359	1.167.904.871.359
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	24.369.198.719	24.369.198.719	41.283.280.976	59.083.296.787	-	6.569.182.908	6.569.182.908
	1.071.746.855.052	1.071.746.855.052	2.721.953.064.730	2.590.377.221.718	3.651.356.203	1.206.974.054.267	1.206.974.054.267

(i) Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát theo Hợp đồng vay tiền số: 01/HĐVT/VCR-PNC ngày 3 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số: 01/2019/PLHĐ /VCR-PNC ngày 29 tháng 4 năm 2019. Theo phụ lục hợp đồng, khoản vay này đến hạn ngày 2 tháng 5 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, hợp đồng này chưa được hoàn tất gia hạn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

<i>Vay ngân hàng không có đảm bảo</i>	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2024	1/1/2024
		2024	2023	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	2,9%	-4,5%	485.200.802.111	602.718.281.975
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	3,6%	-3,7%	116.534.282.950	54.345.394.983
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2,9%	-3,7%	144.150.839.334	84.466.231.999
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	-	6,0%	-	44.825.244.422
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	3,5%	-3,6%	182.675.349.360	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	-	2,0%	-4,0%	-
Ngân hàng Siam Bank Việt Nam	VND	3,6%	3,6%	92.397.168.829	102.838.306.984
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	VND	-	3,5%	-	26.842.731.142
Ngân hàng Malaysian Banking Berhad	USD	-	3,6%	-3,9%	21.772.810.934
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	3,6%	3,6%	125.173.617.841	-
				1.167.904.871.359	1.014.877.656.333

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))

Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
	19.704.629.301	44.073.828.020
	(6.569.182.908)	(24.369.198.719)
	13.135.446.393	19.704.629.301

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

		Lãi suất năm			
		2024	2023		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	7,5%	7,4%	-	15.505.000.000
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (ii)	VND	7,0%-8,2%	7,4%-9,4%	19.704.629.301	28.568.828.020
				19.704.629.301	44.073.828.020

(i) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Các tài sản này được ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ lần lượt là 16.336 triệu VND và 15.168 triệu VND (1/1/2024: 21.119 triệu VND và 15.712 triệu VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Lãi VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Lãi VND
Trong vòng một năm	7.681.069.425	1.111.886.517	10.871.433.942	2.007.235.223
Trong vòng hai đến năm năm	13.223.788.339	88.341.946	22.320.339.303	2.615.710.002
	20.904.857.763	1.200.228.462	33.191.773.245	4.622.945.225
				28.568.828.020

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.128.016.370	9.220.293.701
Số trích lập/sử dụng trong năm	962.263.145	907.722.669
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	11.090.279.515	10.128.016.370
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	27.346.813.865	25.385.982.007
Quỹ trích lập trong năm	9.266.386.010	14.792.007.527
Quỹ sử dụng trong năm	(8.962.614.091)	(12.831.175.669)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	27.650.585.784	27.346.813.865
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	464.717.070.000	1.584.699.224	311.688.100.054	145.069.963.985	923.059.833.263
- điều chỉnh lại	-	-	-	115.202.344.188	115.202.344.188
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	43.422.997.580	(43.422.997.580)	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(14.792.007.527)	(14.792.007.527)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(79.001.901.900)	(79.001.901.900)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	464.717.070.000	1.584.699.224	355.111.097.634	123.055.401.166	944.468.268.024
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	126.626.969.757	126.626.969.757
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	34.097.572.537	(34.097.572.537)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(9.266.386.010)	(9.266.386.010)
Cổ tức bằng tiền (ii)	-	-	-	(92.943.414.000)	(92.943.414.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	464.717.070.000	1.584.699.224	389.208.670.171	113.374.998.376	968.885.437.771

(i) Trong kỳ, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 165/PA-HĐQT ngày 20 tháng 4 năm 2024.

(ii) Trong năm 2024, công ty đã chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 15% và chốt danh sách tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 tỷ lệ là 5%.

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Công đoàn Cty CP PinẮc quy Miền Nam	1.888.234	4,06%	2.236.534	4,81%
Các cổ đông khác	15.785.492	33,97%	15.437.192	33,22%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	4.886.415.412	4.423.565.652
Trong vòng hai đến năm năm	2.611.845.101	7.363.606.819
	7.498.260.513	11.787.172.471

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	19.894.373.203	20.695.129.201

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.976.902,38	49.918.761.997	1.621.791	39.052.710.424
EUR	12,37	323.022	249	6.553.510
		49.919.085.019		39.059.263.934

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

28. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chi tiêu trên Bảng cân đối kết toán do phần lớn tài sản cố định đều có vị trí tại Việt Nam.

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Doanh thu	2.395.351.211.136	2.534.571.665.852	810.057.301.465	650.375.458.330	3.205.408.512.601	3.184.947.124.182
Giá vốn	2.124.426.742.966	2.149.145.793.805	664.944.624.526	602.048.959.207	2.789.371.367.492	2.751.194.753.012
	270.924.468.170	385.425.872.047	145.112.676.939	48.326.499.123	416.037.145.109	433.752.371.170

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu pin và ắc quy	3.849.053.470.231	3.593.413.239.932
<hr/>		
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	606.337.851.163	399.102.843.899
▪ Hàng bán bị trả lại	37.307.106.467	9.363.271.851
<hr/>		
	643.644.957.630	408.466.115.750
<hr/>		
Doanh thu thuần	3.205.408.512.601	3.184.947.124.182

30. Giá vốn hàng bán

	2024 VND	2023 VND
Pin và ắc quy đã bán	2.782.219.575.750	2.639.692.319.803
Khuyến mãi có điều kiện	5.559.147.155	110.230.261.395
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.592.644.587	1.272.171.814
<hr/>		
	2.789.371.367.492	2.751.194.753.012

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	35.253.171.613	43.527.988.006
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.551.550.481	13.358.302.053
Chiết khấu thanh toán	361.159.013	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.594.422.072
<hr/>		
	46.165.881.107	58.480.712.131

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí tài chính**

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	41.936.668.219	59.363.089.266
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.105.249.014	16.336.885.490
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.149.466.099	-
	<hr/>	<hr/>
	60.191.383.332	75.699.974.756
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí bán hàng

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	45.260.094.798	43.007.695.542
Chi phí vận chuyển	34.992.689.436	32.927.293.025
Chi phí quảng cáo	16.965.910.997	28.547.178.111
Chi phí bảo hành	25.683.404.699	20.456.177.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.741.551.554	24.966.482.451
Chi phí bao bì	4.524.100.535	3.316.968.574
Chi phí khấu hao và phân bổ	907.369.873	892.254.717
Chi phí bán hàng khác	27.293.049.013	47.922.469.884
	<hr/>	<hr/>
	173.368.170.905	202.036.520.285
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	32.212.277.198	30.111.866.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.827.167.900	11.508.253.496
Chi phí khấu hao và phân bổ	867.630.084	728.137.050
Chi phí công cụ và dụng cụ	376.433.071	385.557.301
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.627.848.746	17.953.103.661
	<hr/>	<hr/>
	64.911.356.999	60.686.917.845
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.373.390.872.486	2.164.661.465.167
Chi phí nhân công và nhân viên	293.381.453.223	277.524.242.596
Chi phí khấu hao và phân bổ	90.011.808.634	86.164.460.784
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	364.254.920.663	362.717.800.572

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	33.336.280.142	31.662.541.749
Dự phòng thiếu trong các năm trước	4.503.692.760	7.623.929.274
	<hr/> 37.839.972.902	<hr/> 39.286.471.023
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(154.586.622)	(163.920.977)
	<hr/> (154.586.622)	<hr/> (163.920.977)
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 37.685.386.280	<hr/> 39.122.550.046

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	164.312.356.037	154.324.894.234
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	32.862.471.207	30.864.978.847
Chi phí không được khấu trừ thuế	319.222.313	633.641.925
Dự phòng thiếu trong các năm trước	4.503.692.760	7.623.929.274
	37.685.386.280	39.122.550.046

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2024	2023
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	126.626.969.757	115.202.344.188
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(12.662.696.976)	(11.520.234.419)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	113.964.272.781	103.682.109.769
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.452	2.231

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</i>		
Cổ tức	47.796.546.000	40.627.064.100
<i>Furukawa Battery Co Ltd.</i>		
Phí bản quyền	2.303.078.130	2.682.428.609
Cổ tức	9.799.416.000	8.329.503.600
Bên liên quan khác		
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	7.636.499.100	5.870.295.260
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	6.868.114.550	6.302.087.000
<i>Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất</i>		
Mua hàng hóa	1.450.898.999	-
<i>Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn</i>		
Mua hàng hóa	333.169.200	326.935.800
<i>Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất</i>		
Mua hàng hóa	345.854.694	345.084.902
<i>Công ty Cổ phần Bột giặt NET</i>		
Mua hàng hóa	5.273.997	5.427.994
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Ông Lê Hoàng	240.000.000	240.000.000
Ông Lê Văn Năm	85.500.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Chung	173.100.000	159.600.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	173.100.000	159.600.000
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Bà Phan Thị Hoàng Giang	96.000.000	78.000.000
Bà Vũ Thị Mai Nhung	96.000.000	78.000.000

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<i>Lương, thưởng và phụ cấp</i> Ông Tạ Duy Linh	744.950.549	705.032.920
Nhân sự quản lý chủ chốt		
<i>Lương, thưởng và phụ cấp</i> Tổng giám đốc	893.910.000	816.690.000
Thành viên khác của Ban Giám đốc	1.249.500.000	1.062.420.000

39. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh nêu trên, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo
Nhân viên kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc